Dàn ý hình ảnh người nông dân nghĩa sĩ Cần Giuộc

I. Mở bài

- Vài nét về Nguyễn Đình Chiểu và tác phẩm "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc": Một tác giả tiêu biểu của Nam Bộ. Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc là tiếng khóc bi tráng cho một thời kỳ lịch sử đau thương nhưng vĩ đại.

- Khái quát chung về hình tượng người nông dân nghĩa sĩ trong tác phẩm: Bài văn tế đã dựng lên bức tượng đài bất tử về những người nông dân nghĩa sĩ Cần Giuộc, những người đã dũng cảm chiến đấu, hi sinh vì Tổ quốc.

II. Thân bài

1. Nguồn gốc xuất thân của những người nông dân nghĩa sĩ

- Từ nông dân nghèo khổ, những dân ấp, dân lân (những người bỏ quê đến khai khẩn đất mới để kiếm sống): "cui cút làm ăn; toan lo nghèo khó": hoàn cảnh sống cô đơn, thiếu người nương tựa, âm thầm lặng lẽ lao động mà vẫn nghèo khó suốt đời

- Nghệ thuật tương phản: "chưa quen - chỉ biết, vốn quen - chưa biết".

=> Nguyễn Đình Chiểu nhấn mạnh việc quen (đồng ruộng) và chưa quen (chiến trận, quân sự) của những người nông dân Nam Bộ để tạo sự đối lập tầm vóc anh hùng trong đoạn sau.

=> Những người nông dân nghĩa sĩ họ chỉ là những người nghèo khó và lương thiện, chính hoàn cảnh đã buộc họ phải đứng lên trở thành những người chiến sĩ và cuối cùng là "nghĩa sĩ".

2. Người nông dân nghĩa sĩ hiện lên với lòng yêu nước nồng nàn

- Khi thực dân Pháp xâm lược người nông dân cảm thấy: Ban đầu lo sợ rồi đến trông chờ tin quan - ghét - căm thù - đứng lên chống lại.

- Vốn là những người nông dân nghèo khó không biết đến việc binh đao, họ lo sợ là chuyện bình thường
- Sự chờ đợi "quan": như "trời hạn trông mưa"
- Thái độ đối với giặc: "ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ", "muốn tới ăn gan", "muốn ra cắn cổ" - Thái độ căm ghét, căm thù đến tột độ được diễn tả bằng những hình ảnh cường điệu mạnh mẽ mà chân thực

- Nhận thức về tổ quốc: Họ không dung tha những kẻ thù lừa dối, bịp bợm. => Họ chiến đấu một cách tự nguyện: "nào đợi đòi ai bắt…"

=> Diễn biến tâm trạng người nông dân, sự chuyển hóa phi thường trong thái độ, chính lòng yêu nước và niềm căm thù giặc, cộng với sự thờ ơ thiếu trách nhiệm của "quan" đã khiến họ tự lực tự nguyện đứng lên chiến đấu

3. Người nông dân nghĩa sĩ cao đẹp bởi tinh thần chiến đấu hi sinh của người nông dân

- Tinh thần chiến đấu tuyệt vời: Vốn không phải lính diễn binh, chỉ là dân ấp dân lân mà "mến nghĩa làm quân chiêu mộ"

- Quân trang rất thô sơ: một manh áo vải, ngọn tầm vông, lưỡi dao phay, rơm con cúi đã đi vào lịch sử => làm rõ nét hơn sự anh dũng của những người nông dân nghĩa sĩ

- Lập được những chiến công đáng tự hào: "đốt xong nhà dạy đạo", "chém rớt đầu quan hai nọ".

- "đạp rào", "xô cửa", "liều mình", "đâm ngang", "chém ngược"…: động từ mạnh chỉ hành động mạnh mẽ với mật độ cao nhịp độ khẩn trương sôi nổi.

- Sử dụng các động từ chéo "đâm ngang, chém ngược" => làm tăng thêm sự quyết liệt của trận đánh.

=> Tượng đài nghệ thuật sừng sững về người nông dân nghĩa sĩ đánh giặc cứu nước.

4. Người nông dân nghĩa sĩ đáng kính trọng bởi sự hy sinh anh dũng

- Sự hi sinh của những người nông dân được nói đến một cách hình ảnh với niềm tiếc thương chân thành: "xác phàm vội bỏ", "da ngựa bọc thây": cách nói tránh sự hi sinh của những nghĩa sĩ.

- Chính họ, những người tự nguyện chiến đấu với những vũ khí thô sơ nay lại hi sinh anh dũng trên chiến trường để lại niềm tiếc thương nhưng tự hào cho người ở lại.

=> Hình tượng những người nông dân nghĩa sĩ với sự chiến đấu và hy sinh anh dũng xứng đáng đi vào sử sách.

III. Kết bài

- Khái quát những nét nghệ thuật tiêu biểu làm nên thành công của hình tượng.

- Lần đầu tiên trong lịch sử văn học tác giả đã dựng một tượng đài nghệ thuật về hình ảnh những người nông dân chống thực dân Pháp tương xứng với phẩm chất vốn có của họ ở ngoài đời.

Phân tích hình tượng người nông dân nghĩa sĩ trong văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc - Mẫu 1

Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888) một nhà nho yêu nước nồng nàn, căm thù giặc sâu sắc. Cuộc đời ông phải trải qua nhiều bi kịch đau khổ và bất hạnh. Có lẽ vì vậy mà hơn ai hết ông càng cảm nhận được nỗi đau mất nước khi thực dân Pháp sang xâm lược nước ta. Năm 1859 giặc Pháp tràn vào sông Bến Nghé chiếm thành Gia Định, ông phải vào quê vợ ở Thanh Ba, Cần Giuộc lánh tạm. Về phía thực dân Pháp sau khi chiếm được thành Gia Định chúng bắt đầu thực hiện quá trình mở rộng cuộc tấn công ra các vùng lân cận. Cần Giuộc chẳng mấy chốc đã bị giặc Pháp tràn đến. Những người nông dân áo vải, chân lấm, tay bùn đả đứng dậy đấu tranh. Họ gia nhập nghĩa binh, sẵn sàng hi sinh vì nghĩa lớn. Trong số họ nhiều nghĩa sĩ đã hi sinh oanh liệt. Những tấm gương hi sinh đó đã gây nên niềm cảm kích lớn trong nhân dân. Đỗ Quang, tuần phủ Gia Định giao cho Nguyễn Đình Chiểu làm bài văn tế đọc tại buổi truy điệu hơn hai mươi nghĩa sĩ đã hi sinh trong trận đêm ngày 16-12-1861. Với lòng cảm phục và tình cảm xót thương vô hạn, Nguyễn Đình Chiểu đã viết bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc. Bài văn tế không những thể hiện được tình cảm xót thương vô hạn của tác giả và của nhân dân đối với các nghĩa sĩ Cần Giuộc mà còn khắc họa lên vẻ đẹp chân thực, bi tráng mà rất đỗi hào hùng của những người nông dân yêu nước đánh Tây.

Hỡi ôi!
Súng giặc đất rền; lòng dân trời tỏ..

Khi Tổ quốc lâm nguy, khắp đất nước đều rền vang tiếng súng. Chính sự từ gian nguy, đau thương đó, tình yêu đất nước của những người nông dân bình thường mới được thể hiện, vẻ đẹp thực sự của tâm hồn trong họ mới được bày tỏ cùng trời đất.

Tấm lòng, tình yêu giang sơn, tổ quốc của những người nông dân bình dị càng được thể hiện một cách rõ rệt và sâu sắc hơn khi tác giả đã liên tục dùng biện pháp so sánh đối lập trong các câu văn tiếp sau.

Nhớ linh xưa:

Cui cút làm ăn; toan lo nghèo khó,
Chưa quen cung ngựa, đâu tới trường nhung;
Chỉ biết ruộng trâu, ở trong làng bộ.
Việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy, tay vốn quen làm;
Tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ, mắt chưa từng

Trước đây họ vẫn sống, vẫn tồn tại nhưng chỉ là "cui cút làm ăn". Họ vẫn sống, vẫn tồn tại nhưng chỉ trong thầm lặng. Trong cuộc sống, họ có nỗi lo toan " miếng cơm manh áo" giản dị đời thường; họ chỉ quen làm lụng việc nhà nông: cày, bừa, cấy, hái, làm bạn với con trâu, với ruộng đồng. Họ chưa biết đến "cung ngựa", "trường nhung", chưa quen với

"tập mác, tập cờ". Những người nghĩa sĩ ở đây chỉ là những nông dân áo vải, chưa quen chiến trận, chưa được luyện rèn, chỉ vì lòng yêu chính ghét tà mà đứng lên đánh giặc.

Khi mà "tiếng phong hạc phập phồng hơn mươi tháng", họ ngóng trông mệnh lệnh của triều đình: "trông tin quan như trời hạn trông mưa".

Thì ra cái bi kịch xót xa là ở chỗ này: triều đình nhu nhược, không hiểu được lòng dân yêu nước. Lòng căm thù giặc của những người nông dân thì không thể kiềm chế:

Mùi tinh chiên vấy vá đã ba năm, ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ.
... Bữa thấy bòng bong che trắng lốp, muốn tới ăn gan;
Ngày xem ống khói chạy đen xì, muốn ra cắn cổ.

Hình tượng người nông dân, những người nghĩa sĩ yêu nước hiện lên thật quả cảm hào hùng. Lòng yêu đất nước tha thiết xuất phát từ chính trái tim của họ đã khiến cho họ trở nên đẹp đẽ, lấp lánh.

Vẻ đẹp của những người nghĩa sĩ nông dân yêu nước được toát ra chính lòng căm thù giặc sục sôi. Chính lòng căm thù giặc đã biến thành hành động vùng lên quật khởi rất hào hùng.

Nào đợi ai đòi, ai bắt, phen này xin ra sức đoạn kình:
Chẳng thèm trốn ngược, trốn xuôi, chuyến này dốc ra tay bộ hổ.

Trong những tác phẩm phản đối chiến tranh phong kiến phi nghĩa trước đây, người nông dân khi phải đi làm lính biên thú phương xa để bảo vệ cương thổ của nhà vua, họ ra đi với tâm trạng và thái độ "bước chân xuống thuyền, nước mắt như mưa" thì ở đây, người nông dân của Nguyễn Đình Chiểu lại hoàn toàn khác. Họ tự giác, tự nguyện đứng lên chiến đấu để bảo vệ giang sơn, tổ quốc, ấy là nét đẹp bản chất nhất trong hành động của người nông dân - nghĩa sĩ Cần Giuộc. Đến đây không chỉ vẻ đẹp trong tâm hồn mà ngay cả vẻ đẹp trong hành động của những người nghĩa sĩ nông dân yêu nước cũng đã được Nguyễn Đình Chiểu khắc họa lên một cách rõ rệt. Từ cái động lực tinh thần tự nguyện gánh vác trách nhiệm lịch sử mà đã tạo ra cho họ sức mạnh vô cùng lớn. Họ đã hành động, đứng lên chống giặc ngoại xâm. Không chờ bày bố mà chỉ "ngoài cật có một manh áo vải nào đợi mang bao tấu, bầu ngòi, trong tay cầm một ngọn tầm vông, chi nài sắm dao tu, nón gõ". Hình ảnh người nông dân được hiện lên trong tác phẩm khiến cho chúng ta vừa cảm thấy tự hào và xen lẫn niềm xót xa. Những người nghĩa sĩ dường như đóng vai trò là hiện thân của cả một sức mạnh dân tộc. Đối mặt với kẻ thù lớn mạnh với " đạn nhỏ, đạn to", "tàu thiếc, tàu đồng" với đội quân xâm lược nhà nghề, vậy mà vũ khí để họ dùng chống lại chỉ là "một manh áo vải", "một ngọn tầm vông", chỉ có " dao phay" và chỉ là những "hỏa mai đánh bằng rơm con cúi". Thử hỏi rằng đem những thứ đó ra đối chọi với súng đạn của thực dân khác nào bước chân vào chỗ chết. Cái sự thật phũ phàng đó như phô bày ra trước mắt ta thật xót đau biết mấy. Đó là tấn bi kịch của những người

nghĩa sĩ cần Giuộc, cũng là tấn bi kịch của cuộc sống nước ta vào thời kì nghiệt ngã ấy. Tấn bi kịch này đã đưa đến cái họa mất nước kéo dài cả thế kỉ.

Nhưng cũng chính từ cái tấn bi kịch này mà đã làm sáng ngời lên vẻ đẹp hình tượng của những người nghĩa sĩ nông dân yêu nước. Bằng sự ngoan cường, lòng yêu nước nồng nàn, họ đã làm nên được những điều phi thường, chính họ đã cất lên được bản anh hùng ca chiến tranh của dân tộc. Bất chấp sự hiểm nguy, bất chấp sự chênh lệch, sự đối lập của hoàn cảnh chiến đấu, họ vẫn quyết chiến và quyết thắng, lấy tinh thần xả thân vì nghĩa để bù đắp lại sự thiếu hụt, chênh lệch của mình với kẻ thù. Hoàn cảnh chiến đấu chênh lệch là vậy nhưng vì những người nghĩa sĩ chiến đấu bằng chính tỉnh thần sự quyết chiến không sợ hi sinh nên hiệu quả chiến đấu lại vô cùng lớn.

Chỉ với những vũ khí thô sơ như:

Hỏa mai đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong nhà dạy đạo kia,
Gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém rớt đầu quan hai nọ.
Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho mã tà ma ní hồn kinh...

Chỉ với những vũ khí thô sơ, nhưng lòng yêu nước, tinh thần dân tộc đã tạo nên được những điều kì diệu. Hình ảnh người nghĩa sĩ nông dân hiện lên với một vẻ đẹp rực rỡ hào quang của chủ nghĩa yêu nước, dường như đã làm lu mờ đi cái thời kì đen tối của lịch sử mất nước hồi nửa cuối thế kỉ XIX.

Bài văn tế như bức tượng đài bằng ngôn từ, tạc khắc nên hình tượng những người nghĩa sĩ nông dân hào hùng mà bi tráng, tượng trưng cho tinh thần yêu nước, căm thù giặc ngoại xâm của cha ông ta. Bức tượng đài ấy là dấu mốc thể hiện cả một bi kịch lớn của dân tộc - bi kịch mất nước, và báo hiệu một thời kì lịch sử đen tối của dân tộc ta - thời kì một trăm năm Pháp thuộc. Nhưng thật hào hùng, trong cái bi kịch lớn ấy, tinh thần bất khuất của nhân dân Nam Bộ nói riêng và nhân dân Việt Nam nói chung vẫn ngời sáng bởi cái lí tưởng cao đẹp của nghĩa sĩ Cần Giuộc - họ sẵn sàng hi sinh vì nghĩa lớn, vì dân tộc.

Phân tích hình ảnh người nông dân trong văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc - Mẫu 2

Trong văn học Việt Nam, cho đến Nguyễn Đình Chiểu, chưa có một hình tượng nhân dân nào chân thực và cảm động hơn người nghĩa sĩ trong bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc của ông. Nói đúng ra, trước Nguyễn Đình Chiểu, con người bình thường cũng xuất hiện trong văn chương Việt Nam. Tuy nhiên, đó hoặc là những ngư phủ, tiều phu hình bóng thấp thoáng, khi xa khi gần trong thơ Bà Huyện Thanh Quan, hoặc là đám đông lố nhố, hằng ngày là cục đất củ khoai, khi cỏ dịp trở nên những "kiêu binh" lỗ mãng trong Hoàng Lê nhất thống chí.

Người nông dân xuất hiện trong tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu hoàn toàn khác hẳn. Họ thật sự là những người bình thường, là dân ấp, dân lân, ngoài cật có một manh áo vải. Bản tính lại hiền lành, chất phác, quanh năm suốt tháng côi cút làm ăn, toan lo nghèo khó. Bên trong lũy tre làng, họ chỉ biết ruộng trâu, ở trong làng bộ, thành thục với nghề nông trang: Việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy, tay vốn quen làm. Nói như nhà thơ Thanh Thảo sau này, "họ lấm láp sinh lầy ấy đã bước vào thơ Đồ Chiểu. Đành rằng nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu đã có tấm lòng sáng để phát hiện ra họ, nhưng trước hết bởi dù không áo mão cân đai phẩm hàm văn võ, họ vẫn để lại những vệt bùn làm vinh dự cho thơ". Đó chính là tấm lòng yêu nước, trọng nghĩa của người nông dân.

Khi nghe tin quân giặc đến, dù là dân thường nhưng những người nông dân vẫn lòng đầy sốt ruột. Trong xã hội xưa, những chuyện quốc gia đại sự trước hết là việc của quan. Dân nghe theo quan mà làm dân. Dân nhìn thấy quan mà theo. Vì thế, họ trông chờ tin quan như trời hạn trông mưa. Mắt còn trông đợi nhưng lòng thì đã rõ:

Bữa thấy bòng bong che trắng lốp, muốn tới ăn gan; ngày xem ống khói chạy đen sì, muốn ra cắn cổ.

Lòng yêu nước không độc quyền của ai. Huống chi, với những người nông dân chân chất, khi mùi tinh khiết vấy vá đã ba năm thì họ ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ. Vì thế, dù là dân ấp, dân lân, trong tay chỉ còn một tầm vông, họ đã sẵn sàng xả thân vì nghĩa cả:

Hỏa mai đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong nhà dạy đạo kia; gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém rớt đầu quan hai nọ.

Chi nhọc quan quản gióng trống kì, trống giục, đạp rào lướt tới, coi giặc cũng như không; nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ, đạn to, xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có.

Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho mã tà, ma ni hồn kinh; bọn hè trước, lũ ó sau, trối kệ tàu sắt, tàu đồng súng nổ.

Cuộc đối đầu một mất một còn giữa những người nông dân yêu nước với kẻ thù là cuộc đối đầu không cân sức. Họ thất thế ngay từ ban đầu khi tự giác đứng lên, không có ai tổ chức (ai đòi, ai bắt), chẳng có binh thư, binh pháp. Còn quân giặc thì chuẩn bị bài bản, có quy mô, quy củ. Họ thất thế khi xung trận mà ngoài cật có một manh áo vải, trong tay cầm ngọn tầm vông, còn kẻ thù lại có tàu sắt, tàu đồng, đạn nhỏ, đạn to. Song chí căm thù, lòng yêu nước đã khiến những người nông dân trối kệ tàu sắt, tàu đồng súng nổ, liều mình như chẳng có ai. Ai cũng biết cái giá cuối cùng của hành động ấy. Nhưng nghĩa sĩ nông dân càng biết rõ điều đó:

Một giấc sa trường rằng chữ hạnh, nào hay da ngựa bọc thây; trăm năm âm phủ ấy chữ quy, nào đợi gươm hùm trao mộ.

Những nghĩa sĩ nông dân trở thành "những anh hùng thất thế nhưng vẫn hiên ngang'' (Phạm Văn Đồng). Hình tượng người nghĩa sĩ chân đất lần đầu tiên xuất hiện trong văn

học Việt Nam đã mang hình dáng đầy bi tráng. Nó như một tượng đài sừng sững tạc vào không gian lẫn với thời gian để nói với muôn đời rằng: Thác mà trả nước non rồi nợ, danh thơm đồn sáu tỉnh chúng đều khen; thác mà ưng đình miếu để thờ, tiếng ngay trải muôn đời ai cũng mộ.

Sự gắn bó, lòng yêu thương và cảm phục đã khiến Nguyễn Đình Chiểu ghi tạc vào thơ văn mình hình tượng người nghĩa sĩ cần Giuộc thật bi tráng. Hình tượng ấy mang sức nặng của một thời đại "nước mắt anh hùng lau chẳng ráo" và tấm lòng yêu thương bi thiết của nhà thơ mù đất Đồng Nai - Gia Định. Những người anh hùng "sống đánh giặc - thác cũng đánh giặc". Còn nhà thơ của họ đã dựng lại tượng đài ấy "nghìn năm" trong kí ức tâm hồn của người đời bằng văn chương.

Phân tích hình tượng nghĩa sĩ Cần Giuộc - Mẫu 3

"Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc" là đỉnh cao sáng tác của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu và cũng là tác phẩm biểu hiện tập trung nhất, sâu sắc nhất tư tưởng yêu nước, thương dân của ông. Với lòng thương cảm và khâm phục chân thành, nhà thơ đã dựng nên một tượng đài nghệ thuật bất hủ về người anh hùng nghĩa sĩ nông dân trong thời kỳ lịch sử chiến đấu chống ngoại xâm của dân tộc. Có thể nói bài Văn tế là khúc ca bi tráng về người nghĩa sĩ nông dân dám xả thân vì sự sống còn của đất nước.

Vẻ đẹp đầu tiên ở họ là tinh thần tự nguyện đánh giặc, vốn là những người dân cày quanh năm côi cút làm ăn, điều lo toan hằng ngày của họ là làm sao cho đủ ăn đủ mặc, đừng đói khổ, rách rưới. Họ biết thân phận mình là hèn mọn trong xã hội, ngoài sưu thuế phải nộp cho đủ, họ đâu dám nghĩ đến công to việc lớn. Quốc gia đại sự là của vua quan và triều đình. Vậy mà giờ đây, giặc Lang Sa tràn sang cướp nước, gieo rắc tanh hôi (tinh chiên) đã ba năm mà mặt mũi quan quân chẳng thấy ở đâu, có chăng nữa thì chỉ là lũ hèn nhát chạy dài. Cảnh tượng ấy khiến họ không thể bưng tai bịt mắt làm ngơ. Lòng yêu nước hun đúc từ nghìn xưa trong huyết quản sôi sục, họ tự nguyện đứng lên đánh giặc:

"Nào đợi ai đòi ai bắt, phen này xin ra sức đoạn kình; chẳng thèm trốn ngược trốn xuôi, chuyến này dốc ra tay bộ hổ."

Họ nhận về mình công việc cực kỳ khó khăn, to lớn: đoạn kình, bộ hổ, tức là đánh lại quân giặc mạnh hơn mình gấp bao lần.

Vẻ đẹp tinh thần của họ là dám đánh, dám hy sinh; một lòng xin ra sức, ra tay, cống hiến sức mình cho Tổ quốc. Tịnh thần dám đánh, dám hi sinh ấy càng đẹp biết bao nhiêu khi họ chỉ là những người dân ấp dân lân, tự liên kết thành đội ngũ để chiến đấu chứ không phải là quân lính của triều đình. Từ cửa nếp nhà tranh của mình, họ xông thẳng vào trận, không hề được luyện tập mảy may. Tỉnh thần ấy lại thêm lớn lao khi nhìn vào vũ khí trong tay họ. Có thể nói, trang bị sắc bén của họ chính là tấm lòng yêu nước và nghĩa lớn vì nước, chứ rơm con cúi, lưỡi dao phay, gậy tầm vông làm sao đem đối chọi được với súng song tâm, với tàu thiếc tàu đồng. Cái sắc bén, cái sức giết giặc của nó chi là ở trái

tim, ở dũng khí của người cầm dao, cầm gậy vẻ đẹp của họ thật hào hùng, nhưng bên cạnh cái hào hùng ấy lại là nỗi đau, nỗi thương muốn rơi nước mắt!

Vậy mà ta hãy xem họ xung trận. Bao nhiêu lời văn là bấy nhiêu chất hùng ca, hừng hực khí phách, rực lửa chiến đấu của một trận đánh quyết liệt và anh dũng:

“Hoả mai đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong nhà dạy đạo kia; gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém rớt đầu quan hai nọ.

Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho mã tà ma ni hồn kinh, bọn hè trước, lũ ó sau, trối kệ tàu sắt tàu đồng súng nổ.”

Quả là tuyệt vời! Ai đó đã dùng một cách nói rất đắc (chứ không phải đắt) là hình tượng người nghĩa sĩ nông dân cực nhọc, nghèo khó đã hiện lên thành một hình ảnh anh hùng lồng lộng giữa chiến trường, làm chủ trận chiến, áp đảo tất cả. Lưỡi dao phay, ngọn tầm vông của họ đâm ngang chém ngược, tung hoành, hiên ngang chiếm lĩnh cả không gian trận địa, làm cho giặc hồn kinh phách lạc. Tiếng hè, tiếng ó của họ át cả tiếng đại bác của tàu thiếc tàu đồng. Rơm con cúi, lưỡi dao phay cũng đốt xong đồn giặc, cũng chém rớt đầu quan hai giặc. Đoạn văn đầy những động từ, những cụm động từ miêu tả hành động mãnh liệt, hào khí bừng bừng. Trước những con người anh hùng ấy, quân giặc hung dữ với súng đạn nghênh ngang đều như co rúm lại, thấp bé, tồi tàn đến thảm hại. Có thể nói hình bóng người nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc nổi lên trên nền trời rực lửa, sừng sững như một tượng đài kỳ vĩ.

Cảm xúc chủ đạo của bài văn tế là cảm xúc bi tráng, lời văn rắn giỏi, âm điệu sôi sục, dồn dập. Nghệ thuật đối đã phát huy hiệu quả cao nhất của nó. Tất cả hợp thành một âm hưởng chiến trận hào hùng, phấn khích của một thiên anh hùng ca tuyệt diệu. Ngòi bút tác giả hoàn toàn xứng đáng với hành động cao cả của người nghĩa sĩ nông dân, với những tư tưởng cực kì lớn lao mà tác giả đã phát hiện ra trong hành động tự nguyện giết giặc cứu nước của họ. Gần ba chục nghĩa sĩ nông dân bỏ mình trong cuộc chiến đấu ác liệt và không cân sức. Cái chết bi tráng của họ khiến thiên nhiên và con người thảy đều thương tiếc: “Đoái sông Cần Giuộc, cỏ cây mấy dặm sầu giăng; nhìn chợ Trường Bình, già trẻ hai hàng lụy nhỏ”. Người chết vì đất nước, vì dân tộc, hỏi làm sao không xúc động đến đồng bào, non nước?

Tượng đài nghệ thuật về người nghĩa sĩ nông dân mang tính chất bi tráng. Nó được dựng lên trong nước mắt, trong tiếng khóc thống thiết của nhà thơ và của nhân dân. Đây là thành công nghệ thuật xuất sắc của nhà thơ mù yêu nước Nguyễn Đình Chiểu. Bài văn tế như một tấm bia, một cái mốc, một tượng đài vinh quang về người nông dân Nam Bộ anh hùng, về nhân dân lao động muôn thuở sáng ngời.

Phân tích hình tượng người nông dân trong văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc - Mẫu 4

Nguyễn Đình Chiểu là nhà văn tài ba khi đã nêu lên hình ảnh người nông dân trong văn học mà trong suốt các thời gian qua chưa được nhắc đến thông qua bài "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc". Trong bài văn tế, hình ảnh người nông dân được khắc họa rõ ràng. Hình ảnh người nông dân nghèo khổ chỉ biết làm ăn một cách thầm lặng, quanh năm chỉ biết ruộng trâu, cần cù lao động. Họ là những người nông dân yêu ghét rõ ràng, căm thù quyết không đội trời chung với giặc khi thực dân Pháp xâm lược. Họ đã anh dũng chiến đấu và anh dũng hy sinh, trong lời văn là những lời lẽ bi thương đầy nước mắt nhưng không hề rơi nước mắt. Đó chính là cái hay của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu.

Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc ra đời vào năm 1858, khi thực dân Pháp nổ súng vào Đà Nẵng, Việt Nam. Sau khi chiếm được thành Gia Định vào đầu năm 1859, quân Pháp bắt đầu một quá trình mở rộng tấn công ra các vùng lân cận như Tân An, Cần Giuộc, Gò Công... Ngày 15 tháng 11 năm Tân Dậu, những nghĩa sĩ mà là nông dân, vì quá căm phẫn kẻ ngoại xâm, đã dũng cảm đứng lên chiến đấu tập kích đồn Pháp ở Cần Giuộc, tiêu diệt được một số quân của đối phương và viên tri huyện người Việt đang làm cộng sự cho Pháp. Khoảng mười lăm nghĩa sĩ bỏ mình. Những tấm gương đó đã gây nên niềm xúc động lớn trong nhân dân.Theo yêu cầu của tuần phủ Gia Định là Đỗ Quang, Nguyễn Đình Chiểu làm bài "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc", để đọc tại buổi truy điệu các nghĩa sĩ đã hy sinh trong trận đánh này.

Như chúng ta biết thì "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc" là một "Tác phẩm nghệ thuật" hiếm có. "Bi tráng" là tầm vóc và tính chất của tác phẩm nghệ thuật ấy: vừa hoành tráng, hùng tráng, vừa thống thiết, bi ai. Hùng tráng ở nội dung chiến đấu vì nghĩa lớn. Hùng tráng ở phẩm chất anh hùng, ở đức hi sinh quyết tử. Hùng tráng ở chỗ nó dựng lên một thời đại sóng gió dữ dội, quyết liệt của đất nước và dân tộc.

Mở đầu bài văn tế là hai tiếng "Hỡi ôi!" vang lên thống thiết, đó là tiếng khóc của nhà thơ đối với nghĩa sĩ, là tiếng nấc đau thương cho thế nước hiểm nghèo:

"Súng giặc, đất rền; lòng dân trời tỏ" có ý nghĩa là Tổ quốc lâm nguy, súng giặc nổ vang rền trời đất và quê hương."

Trong cảnh nước mất nhà tan, chỉ có nhân dân đứng lên gánh vác sứ mệnh lịch sử, đánh giặc cứu nước cứu nhà. Và người nông dân chỉ biết cui cút làm ăn một cách tội nghiệp đã dũng cảm đứng lên đánh giặc giành lại. Nền độc lập cho Tổ quốc thân yêu mà sự dũng cảm đó xuất phát từ tấm lòng yêu nước có trong mỗi con người. Tấm lòng yêu nước, căm thù giặc của những người nông dân, của những người áo vải mới tỏ cùng trời đất và sáng ngời chính nghĩa. Hình ảnh chính của bài Văn tế chính là những chiến sĩ nghĩa quân Cần Giuộc.

Nguồn gốc của họ là nông dân nghèo sống cuộc đời "côi cút" sau luỹ tre làng. Chất phác và hiền lành, cần cù là chịu khó trong làm ăn, quanh quẩn trong xóm làng, làm bạn với con trâu, đường cày, sâu bừa, rất xa lạ với cung ngựa trường nhung:

"Nhớ linh xưa:

Cui cút làm ăn; toan lo nghèo khó"

Cui cút làm ăn: có nghĩa là làm ăn lẻ loi, thầm lặng một cách tội nghiệp.Dù mệt mỏi hay vất vả thì họ vẫn âm thầm, lặng lẽ chịu đựng một mình mà chẳng nói với ai ."Cui cút làm ăn; toan lo nghèo khó" đã hiện lên đầy đủ một vòng đời không lối thoát của người nông dân Việt, người "dân ấp dân lân" Nam Bộ. Bắt đầu bằng cui cút, vật lộn làm ăn, toan lo để cuối cùng kết thúc trong nghèo khó.Họ là những người nông dân mà quanh năm chỉ biết làm với làm, chưa hề biết đến cái gì gọi là cung, cái gì gọi là ngựa.

"Chưa quen cung ngựa đâu tới trường nhưng; chỉ biết ruộng trâu, ở trong làng bộ."

Họ là lớp người đông đảo, sống gần gũi quanh ta. Quanh năm chân lấm tay bùn với nghề nông, "chưa hề ngó tới" việc binh và vũ khí đánh giặc:

"Việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy, tay vốn quen làm; tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ mắt chưa từng ngó."

Thế nhưng khi đất nước quê hương bị giặc Pháp xâm lược, những người dân chân lấm tay bùn ấy đã đứng lên tình nguyện làm quân tự nguyện đánh giặc cứu nước cứu nhà, bảo vệ cái nghề làm lụng mà họ coi là bát cơm manh áo của họ là cái nghĩa lớn mà họ "mến" là đeo đuổi

"Bữa thấy bòng bong che trắng lốp, muốn tới ăn gan; ngày xem ống khói chạy đen sì, muốn ra cắn cổ".

Đối với giặc Pháp và lũ tay sai bán nước, họ chỉ có 1 thái độ: "ăn gan" và "cắn cổ", chỉ có một chí hướng: "phen này xin ra sức đoạn kình, chuyến này dốc ra tay bộ hổ".

Trong tác bài Văn Tế Nguyễn Đình Chiểu đã có khắc nên sự đối lập giữa đoàn dũng sĩ của quê hương và giặc Pháp xâm lược.Giặc xâm lược được trang bị tối tân, có "tàu thiếc, tàu đồng", "bắn đạn nhỏ, đạn to", có bọn lính đánh thuê "mã tà, ma ní" thiện chiến. Trái lại, trang bị của nghĩa quân lại hết sức thô sơ. Quân trang chỉ là " một manh áo vải" . Vũ khí chỉ có "một ngọn tầm vông", hoặc "một lưỡi dao phay", một súng hoả mai khai hoả "bằng rơm con cúi". Thế mà họ vẫn lập được chiến công: "đốt xong nhà dạy đạo kia" và "chém rớt đầu quan hai nọ".

Bài Văn tế đã tái hiện lại những giờ phút giao tranh ác liệt của các chiến sĩ nghĩa quân với giặc Pháp:

"Chi nhọc quan quản gióng trống kỳ, trống giục, đạp rào lướt tới, coi giặc cũng như không; nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ đạn to, xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có.

Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho ma ní, mã tà hồn kinh; bọn hè trước, lũ ó sau, trối kệ tàu thiếc, tàu đồng súng nổ."

Không khí chiến trận có tiếng trống thúc quân giục giã, "có bọn hè trước, lũ ó sau" vang dậy đất trời cùng tiếng súng nổ. Các nghĩa sĩ của ta coi cái chết như không, tấn công như vũ bão, tung hoành giữa đồn giặc: "đạp rào lướt tới", "xô cửa xông vào", "đâm ngang chém ngược", "hè trước, ngó sau". Giọng văn của Nguyễn Đình Chiểu đã tô đậm tinh thần dũng cảm, kiên cường bất khuất của các nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc. Ông cũng thể hiện rõ lòng khâm phục đối với người nghĩa sĩ nông dân.Từ trước đến nay, đây là tác phẩm đầu tiên có đưa hình ảnh của nghĩa sĩ nông dân

Trong bài "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc" còn có tiếng khóc của mẹ già nơi quê nhà trông chờ con về, vợ thương nhớ về chồng, con ngóng cha về nghề thống thiết, bi ai. Nhiều nghĩa sĩ đã ngã xuống trên chiến trường trong tư thế người anh hùng:

"Những lăm lòng nghĩa lâu dùng; đâu biết xác phàm vội bỏ."

Đất nước, quê hương vô cùng thương tiếc. Một không gian rông lớn bùi ngùi, đau. đớn:

"Đoái sông Cần Giuộc, cỏ cây mấy dặm sầu giăng; nhìn chợ Trường Bình, già trẻ 2 hàng nhỏ."

Tiếng khóc của người mẹ già, nỗi đau đớn của người vợ trẻ, nỗi nhớ thương của con cái được nói đến vô cùng xúc động:

"Đau đớn bấy mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn khuya leo lét trong lều; não nùng thay vợ yếu chạy tìm chồng, cơn bóng xế dật dờ trước ngõ."

Các nghĩa sĩ đã sống anh dũng chiến đấu, và hy sinh rất vẻ vang. Tấm gương chiến đấu và hy sinh của họ là để ta biết rằng đất nước nào cũng là độc lập, tự chủ. Không ai được quyền xâm chiếm. Họ là tấm gương sáng rất đáng tự hào:

"Ôi!
Một trận khói tan; nghìn năm tiết rỡ"

Sự hy sinh của những người nghĩa sĩ Cần Giuộc là bài học quý báu mà họ đã để lại. Thà chết vinh còn hơn sống nhục.Họ là tấm gương sáng để dân tộc Việt Nam noi theo mà làm, là ngọn đèn soi sáng cho dân tộc Việt Nam.

"Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc, linh hồn theo giúp cơ binh, muôn kiếp nguyện được trả thù kia…"

Công lao của người nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc sẽ đời đời nằm trong lòng mỗi người dân Việt Nam về tấm gương anh dũng, sẵn sàng xả thân vì độc lập Tổ Quốc.

"Nước mắt anh hùng lau chẳng ráo, thương vì hai chữ thiên dân; cây hương nghĩa sĩ thắp thêm thơm, cám bởi một câu vương thổ."

Tóm lại, "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc" khẳng định tấm lòng yêu thương dân thiết tha của Nguyễn Đình Chiểu. "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc" là niềm tự hào và biết ơn sâu sắc của nhân dân ta đối với người nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc đã anh dũng chiến đấu chống giặc ngoại xâm bảo vệ nền độc lập vững chắc của quê nhà, nơi họ đã sinh ra và lớn lên hay đó là Tổ quốc mà đối với họ "nó"rất quan trọng trong cuộc đời. Nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc chính là tấm gương về tinh thần dũng cảm, lòng yêu nước sâu sắc để cho các thế hệ đi sau khi đọc được bài văn tế này mà noi theo để xây dựng đất nước càng ngày giàu mạnh hơn.

Phân tích vẻ đẹp của hình tượng người nông dân nghĩa sĩ - Mẫu 5

Trong văn học, phải đến thế kỉ XIX khi Nguyễn Đình Chiểu - một nhà nho yêu nước dùng con mắt yêu thương và kính phục để viết nên "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc" thì hình ảnh người nông dân mới thực sự xuất hiện. Đó là hình tượng đẹp, rất đỗi chân thực và đầy chất bi tráng, vừa hào hùng, vừa đau thương trong cuộc chiến đấu giành độc lập, tự do của đất nước.

Những người nông dân ấy, họ sinh ra đâu phải để làm chàng Gióng Phù Đổng, Lê Lợi, Quang Trung... Họ chỉ là những con người quanh năm khoác trên mình màu áo nâu của đất, bình dị và lam lũ. Nhưng họ xuất hiện trong khung cảnh bão táp của thời đại: "Hỡi ôi! Súng giặc đất rền, lòng dân trời tỏ". Họ đâu đã quen nghe tiếng súng. Âm thanh ấy đã phá tan cuộc sống bình lặng của họ. Một cuộc sống từ sáng đến tối bán mặt cho đất, bán lưng cho trời, một cuộc sống chật vật với những lo toan nghèo khó. Cái nghèo đã làm họ thật nhỏ bé suốt ngày "cui cút làm ăn"... Chỉ một câu văn, cụ Đồ Chiểu đã vẽ nên vòng đời luẩn quẩn không lối thoát của người dân Việt, người "dân ấp dân lân" Nam Bộ, bắt đầu với cui cút, vật lộn làm ăn để cuối cùng vẫn kết thúc trong nghèo khó. Đằng sau luỹ tre làng ấy, họ biết sao được những "cung ngựa", "trường nhung" trong cái nhìn của họ chỉ có "con trâu là đầu cơ nghiệp". Đến việc cuốc, việc cày, bừa đã quá quen thuộc thì giờ tập khiên, tập súng thật lạ lẫm.

Những tưởng họ mãi cam chịu như thế. Nhưng không, khi quân xâm lược đã xâm chiếm đất nước, chúng đang giày xéo lên từng mảnh ruộng, từng đám đất quê hương ruột thịt của họ. Giờ đây, trong những "lo toan" không chỉ có đói nghèo mà còn là những thấp thỏm, lo âu:

"Tiếng phong hạc phập phồng hơn mười tháng, trông tin quan như trời hạn trông mưa…"

Thấy "mùi tinh chiên vấy vá" không thể chống mắt đứng nhìn, không thể ngồi yên mà đợi. Triều đình đã "bỏ rơi" họ, nhưng làm sao ngăn được tình yêu đất nước nồng nàn ở họ. Bọn xâm lăng kia đã cướp đi những gì máu thịt của họ, chúng phá vỡ giấc bình yên nơi thôn quê, làm sao không căm cho được. Nỗi uất hận đến tột cùng ấy đã biến những con người nhỏ bé tầm thường thành chàng Gióng khổng lồ trong cổ tích. Khi Tổ quốc lầm than, họ không ngần ngại chung vai góp sức. Lòng yêu nước đã biến thành lòng căm thù giặc đến sôi sục:

"Bữa thấy bòng bong che trắng lốp, muốn tới ăn gan. Ngày xem ống khói chạy đen sì muốn ra cắn cổ. Một mối xa thư đồ sộ, há để ai chém rắn đuổi hươu. Hai vầng nhật nguyệt chói loà, đâu dung lũ treo dê bán chó".

Lòng yêu Tổ quốc tha thiết xuất phát từ trái tim đã khiến họ trở nên đẹp đẽ, lấp lánh... Dòng máu Lạc Hồng cuộn chảy trong người cùng với cơn giận của lòng yêu nước mạnh hơn yếu hèn, mạnh hơn cái chết. Khát vọng đánh giặc, khát vọng chiến đấu, khát vọng bảo vệ mảnh đất quê hương đã thôi thúc họ, mặc việc "đợi tập rèn", "ban võ nghệ", "bày bố binh thư", không màng tới trên mình chỉ có "một manh áo vải". Các chàng Gióng của thế kỉ XIX đã đến, "đạp rào lướt tới", coi giặc cũng như không.

Hỡi ôi, "một manh áo vải", "một ngọn tầm vông", chỉ có "lưỡi dao phay", "rơm con cúi", liệu có thể thắng được "tàu chiến tàu đồng", "đạn nhỏ đạn to". Đó là bi kịch của nghĩa sĩ Cần Giuộc hay chăng là tấn bi kịch của thời kì nghiệt ngã ấy. Họ là nông dân nhưng lại làm kinh ngạc cả chiến trường. Phải chăng cũng vì lẽ đó mà bản hùng ca đã cất lên trong tiếng nấc lòng. Có thể trận mạc đã vĩnh viễn cướp đi cuộc sống của họ, nhưng tinh thần xả thân vì nghĩa đã bù đắp cho sự thiếu hụt về lực lượng, chênh lệch với kẻ thù.

"Chi nhọc quan quản. Gióng trống kỳ trống giục.... súng nổ"

Hình tượng của người nghĩa sĩ áo vải được khắc nổi trên cảnh u ám khói bom ấy: Những âm thanh vang động (hè trước, ngó sau...) những động tác quyết liệt (đốt, chém...). Những người nghĩa sĩ áo vải đã trở thành đấng anh hùng của một thời kì đáng nhớ. Trong tư thế quật cường ấy, lấp lánh chân dung của những con người gánh trên vai vận mệnh của non sông. Họ biết rằng mình chỉ là vô danh trong dân tộc anh hùng nhưng điều cao cả nhất họ để lại là triết lý sống phù hợp đến muôn đời:

"Thà thác mà đặng câu địch khái, về theo tổ phụ cũng vinh, hơn còn mà chịu chữ đầu Tây ở với man di rất khổ."

Tinh thần ấy, ý chí ấy vẫn chói lòa trong mỗi người dân Cần Giuộc. Sống để chịu nô lệ, tay sai của Tây thì thà một lần chiến đấu hết mình mà đem vinh quang cho dân tộc.

"Ôi thôi thôi!" - Một tiếng khóc đầy ai oán, tiếng khóc đến quặn lòng, tiếng khóc để tiễn biệt những người con Cần Giuộc mãi mãi nằm lại trên mảnh đất quê hương. Họ ngã xuống nơi chiến trường khói lửa. Vẫn còn đó nghiệp nước chưa thành, thấp thoáng nơi đây bóng mẹ già với ngọn đèn le lói trong đêm

"Đau đớn bây! Mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn khuya leo lét trong lều! Vợ yếu chạy tìm chồng, cơn bóng xế dật dờ trước ngõ."

Người tử sĩ đã về chốn thiên cổ để lại giữa trần gian mẹ già, vợ yếu, con thơ... Mai đây họ sẽ ra sao khi cái nghèo vẫn còn đeo đuổi, khi mà nợ nước trả chưa xong..

"Nước mắt anh hùng lau chẳng ráo thương vì hai chữ thiên dân, cây hương nghĩa sĩ thắp đèn thêm thơm, cám bởi một câu vương thổ."

Nguyễn Đình Chiểu đã bằng tấm lòng đồng cảm để nhìn thấy, nghe thấy và dựng nên một tượng đài hoành tráng mà mộc mạc, yêu thương. Xuyên suốt trong nền văn học nước nhà hình ảnh người nông dân đã được đề cập khá nhiều lần. Nhưng trước Đồ Chiểu thì chưa một ai công khai vẽ lên và ngợi ca hình ảnh người anh hùng "chẳng qua là dân ấp dân lân mến nghĩa làm quân chiêu mộ". Hơn thế nữa, việc thổi vào văn chương chất dân gian đã khiến "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc" của cụ trở thành áng văn vừa hào hùng, bi tráng mà cũng rất gần gũi, giản dị.

Cụ Đồ Chiểu chỉ là nhà thơ mù - "người hát rong của nhân dân". Nhưng hình ảnh người nông dân khởi nghĩa trong bài văn tế đã cho ta cái nhìn về cả một thời đại. Tự hào thay những con người nhỏ bé nhưng vẫn hiên ngang trước thế lực bạo tàn. Tự hào thay những người dân, người lính, nghĩa sĩ vô danh trùng trùng điệp điệp ngã xuống để bảo vệ sự toàn vẹn cho non sông. Họ là bức tượng đài bất tử, lưu mãi tới muôn đời.

Phân tích hình ảnh người nông dân - Mẫu 6

"Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc" của Nguyễn Đình Chiểu là bức tượng đài bi tráng về người anh hùng nông dân nghĩa sĩ. Lần đầu tiên trong lịch sử văn học, hình tượng người nông dân mới được dựng lên hoàn chỉnh và đẹp đẽ đến vậy. Với tác phẩm này, Nguyễn Đình Chiểu đã hoàn chỉnh bức tranh về vẻ đẹp anh hùng, dũng cảm của người nông dân.

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Đến tháng 2/1859 thực dân Pháp chiếm được Gia Định và tấn công các vùng phụ cận (Gò Công, Cần Giuộc). Ngày 14 tháng 12 năm 1861, cuộc khởi nghĩa của nghĩa quân Cần Giuộc giành được thắng lợi ban đầu: chém đầu được một tên quan hai của Pháp và khá nhiều lính thuộc địa, chiếm đóng được đồn giặc. Ngày 16 tháng 12 năm 1862, giặc phản công, hai mươi nghĩa quân bị giết chết. Bởi vậy, tuần phủ Gia Định lúc bấy giờ là Đỗ Quang đã yêu cầu Nguyễn Đình Chiểu viết một bài văn tế để đọc trong lễ truy điệu của các nghĩa sĩ Cần Giuộc.

Hình ảnh người nông dân, không phải là chưa bao giờ xuất hiện trong văn học Trung đại, tác phẩm Bình ngô đại cáo của Nguyễn Trãi đã từng nhắc đến họ: "Yết can vi kỳ, manh lệ chi đồ tứ tập" (Dựng gậy làm cờ, mạnh lệ bốn phương tụ hội). Đây là lần đầu người nông dân được nhắc đến trong văn chương, song vì tính chất của một bản tuyên ngôn nên Nguyễn Trãi không có điều kiện để khắc họa rõ nét chân dung người nông dân mà mới

chỉ dừng lại ở việc khẳng định vị trí, vai trò của họ trong cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược.

Còn đến Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc của Nguyễn Đình Chiểu, lần đầu tiên trong văn học Việt Nam, bức tranh chân dung và tinh thần người nông dân được dựng lên hoàn chỉnh đến vậy. Họ được khắc họa từ cuộc sống sinh hoạt đời thường cho đến đời sống tinh thần, từ vẻ ngoài chất phác, hồn hậu cho đến lòng dũng cảm, kiên cường sẵn sàng đứng lên bảo vệ đất nước. Đây chính là phát hiện mới mẻ của Nguyễn Đình Chiểu đối với người nông dân – lực lượng nòng cốt trong mọi cuộc kháng chiến, song lại ít khi được nhận thức đúng đắn về vai trò lịch sử.

Mở đầu, phần lung khởi tác giả đã khái quát được bối cảnh thời đại và khẳng định vị trí, ý nghĩa của người nghĩa sĩ nông dân: "Súng giặc đất rền; lòng dân trời tỏ/Mười năm công vỡ ruộng, chưa ắt còn danh nổi như phao; một trận nghĩa đánh Tây, tuy là mất tiếng vang như mõ". Đây là một thời đại bi tráng, khổ nhục như vĩ đại, thời đại đó đã sản sinh ra những người nông dân nghĩa sĩ với lòng yêu nước nồng nàn. Câu văn ngắn, chỉ có tám chữ: "súng giặc/lòng dân, đất rền/trời tỏ" gợi lên không khí thời đại sục sôi, căng thẳng, quyết liệt của nhân dân ta trong quá trình chiến đấu với kẻ thù. Hai câu văn tuy ngắn nhưng lại có ý nghĩa quan trọng, tạo thành bệ đỡ để thấy được vẻ đẹp của tượng đài nghĩa sĩ nông dân phía sau.

Những người nghĩa sĩ nông dân khi chưa có quân giặc xâm lược họ sống và làm việc với cuộc đời đầy lam lũ, cực nhọc: "Cui cút làm ăn, toan lo nghèo đói". Cuộc đời họ quanh quẩn sau lũy tre làng, cùng với công việc đồng áng vất vả: "chỉ biết ruộng trâu, ở trong làng bộ", "việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy, tay vốn quen làm" họ hoàn toàn xa lạ với việc đao binh: "tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ mắt chưa từng ngó". Cuộc đời họ gắn bó với làng ruộng, gắn bó với quê hương, bởi vậy, khi nghe tin giặc tới xâm lược, họ đặt trọn niềm tin vào triều đình: "Trông tin quan như trời hạn trông mưa" và họ mang trong mình lòng căm thù giặc sâu sắc: "Bữa thấy bòng bong che trắng lốp, muốn tới ăn gan; ngày xem ống khói chạy đen sì, muốn ra cắn cổ". Không chỉ vậy, họ còn là người có ý thức trách nhiệm với quê hương, đất nước khi tổ quốc lâm nguy, dù không được học binh pháp nhưng họ sẵn sàng hi sinh bản thân vì sự bình yên của quê hương, đất nước.

Người nông dân vốn chỉ tay cuốc, tay cày "trong trận nghĩa đánh Tây vụt đứng lên thành những anh hùng hiên ngang, lẫm liệt". Đâu còn hình bóng của những con người chỉ biết trong làng bộ, tầm nhìn hạn hẹp, chỉ trong phút chốc họ đã lớn dậy trưởng thành với tinh thần chiến đấu sục sôi. Vũ khí được trang bị thô sơ, hầu hết là những vật dụng sinh hoạt hàng ngày: ngọn tầm vông, rơm con cúi, lưỡi dao phay,… Nhưng tinh thần của họ lại bừng bừng khí thế và sự nhiệt huyết xông tới chiến đấu với kẻ thù: "đạp rào lướt tới, coi giặc cũng như không", "xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có",… Hành động hết sức mạnh mẽ, quyết liệt: "kẻ đâm ngang, người chém ngược làm cho mã tà, ma ní hồn kinh; bọn hè trước, lũ ó sau, trối kệ tàu sắt, tàu đồng súng nổ". Đoạn thơ đã miêu tả được không khí hào hùng của trận đấu, tác giả sử dụng liên tiếp các động từ: đạp, lướt, xô,

xông, đâm,… giúp cực tả không khí hào hùng, hành động dứt khoát, dũng mãnh của những con người vì nghĩa lớn mà quên thân mình.

Khi khắc họa hình tượng người nông dân nghĩa sĩ, người viết hoàn toàn sử dụng bút pháp hiện thực, chân dung của họ được tái hiện chân thực nhất từ dáng vẻ về ngoài, cho đến cuộc sống lao động vất vả hàng ngày,… Nguyễn Đình Chiểu đã vận dụng nhiều biện pháp nghệ thuật như so sánh (ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ…). Đặc biệt là thủ pháp đối lập được sử dụng nhiều: lướt tới/ xông vào, đâm ngang/ chém ngược, manh áo vải, ngọn tầm vông/ đạn to, đạn nhỏ,… Các thủ pháp nghệ thuật trên đã góp phần khắc họa vẻ đẹp anh dũng, bi tráng của người nông dân nghĩa sĩ.

Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc là bản anh hùng ca ngợi ca những người nông dân nghĩa sĩ anh dũng, bất khuất, kiên cường. Hình ảnh, sự hy sinh của họ là minh chứng cho lòng yêu nước nồng nàn, cho triết lý sống ngàn đời của ông cha ta: “Chết vinh còn hơn sống nhục”.